TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **264 /**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Thuần;**

2. Ông **Châu Vũ Bình;**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa***: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 570/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Thị D,** sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Lê Thị D được mai mối, tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện N, Tiền Giang theo số 118 ngày 10/10/1994. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do chị D ngoại tình, anh C bắt gặp nhiều lần, anh đã cho chị D nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D không thay đổi, anh chị đã ly thân từ tháng 9/ 2018 đến nay. Nay anh C nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1994, con chung đã trưởng thành, lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị thống nhất với anh C về thời gian và quan hệ về hôn nhân. Về mâu thuẩn gia đình do anh C hiểu lầm chị có quan hệ với người khác, chị đã tìm cách giải thích nhưng anh C vẫn không tin. Nay với yêu cầu xin ly hôn của anh C chị không đồng ý vì chị còn thương chồng, thương con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 đã trưởng thành và lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn với chị Lê Thị D. Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Văn L đã trưởng thành, lao động được; về tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị D không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn C vì chị còn thương chồng, thương con. Chị ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con chung, con chung khó lấy vợ, buồn phiền gia đình.

Về tài sản chung: Chị Giang trình bày có tài sản và yêu cầu chia tài sản chung làm 03 phần.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Nguyễn Văn C về việc tranh chấp ly hôn với chị Lê Thị D có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Chị D và anh C được mai mối quen nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh C xin ly hôn với chị D nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh C xác lập hôn nhân vào năm 1994, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có nhiều hạnh phúc do anh chị bất đồng quan điểm nên thường

xuyên cãi nhau, nguyên nhân do chị D không chung thủy. Anh chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Xét thấy, anh C và chị D từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp với qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của chị D cho rằng còn thương chồng, thương con, muốn đoàn tụ gia đình, mọi việc mâu thuẫn do hiểu lầm, nhưng từ lúc ly thân đến nay, chị D không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác, tại phiên tòa anh C xác định không còn tình cảm với chị D, anh bắt gặp rất nhiều lần việc không chung thủy của chị D do đó yêu cầu đoàn tụ của chị D là không có cơ sở để Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình tiến hành tố tụng tiếp cận, công khai chứng cứ, chị D không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, do đó yêu cầu này của chị D, Hội đồng xét xử xem xét. Chị D có quyền khởi kiện chia tài sản trong vụ án khác.

[5] Về nợ chung: không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1/ Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Lê Thị D.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/9/1994 đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015351 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang nên anh C đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng